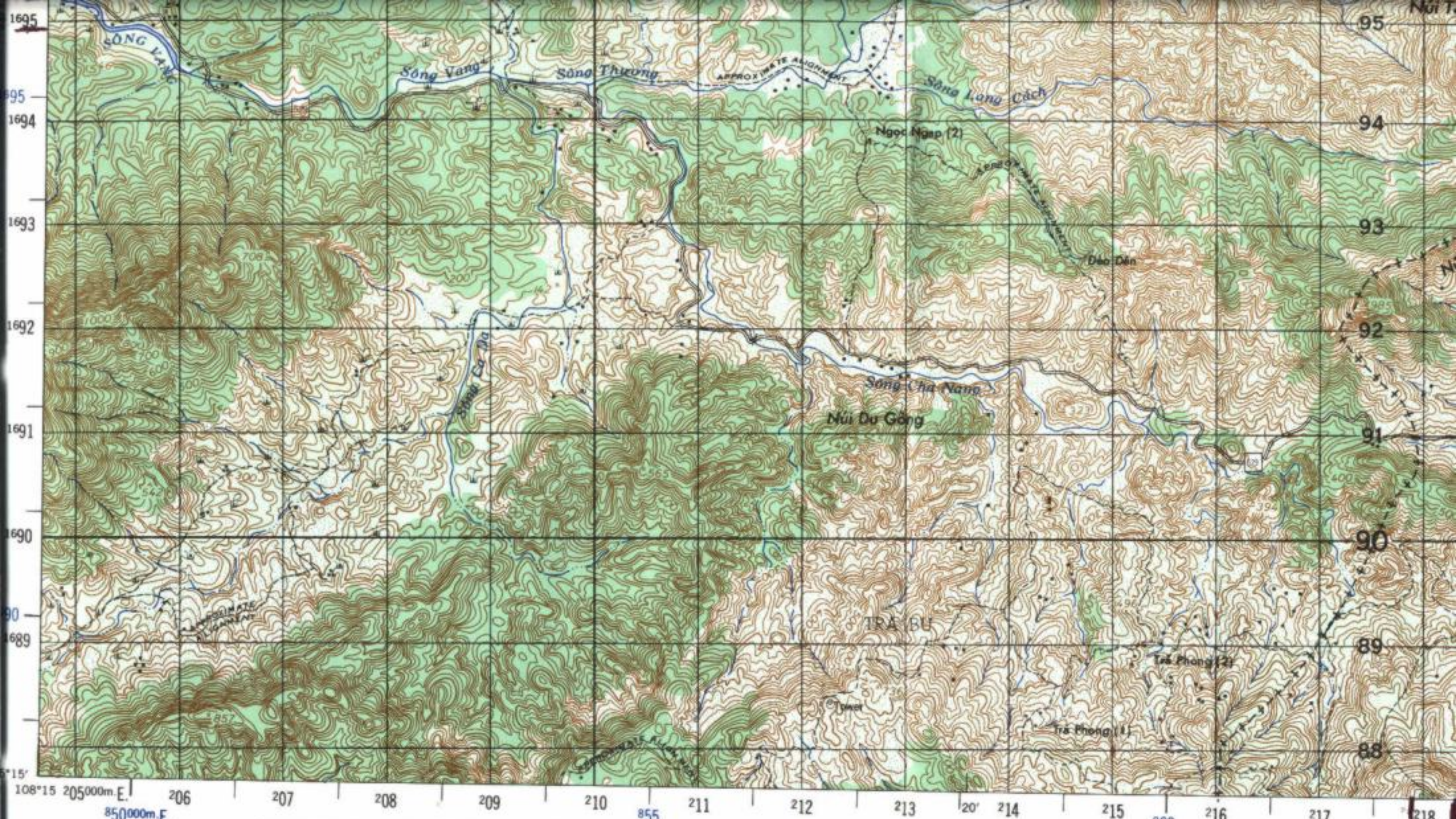








Prepared under the direction of the Department of Defense and published by the U. S. Army Topographic Command, Washington, D. C.

LEGEND—CHỮ-TỬ
MAP INFORMATION AS OF 1970
BẢN ĐỒ TIN-TỨC NĂM 1970



On this map a LANE is considered as being a minimum of 2.4 m. (8 feet) in width. Trên bản đồ này một LỐI XE ĐI đã được coi như rộng ít nhất là 2,4 mét.

Dense forest or jungle indicates more than 25 percent of ground is concealed by canopy with undergrowth generally impassable on foot. Clear forest indicates more than 25 percent of ground is concealed by canopy with undergrowth generally passable on foot. Vegetation classified by office identification from aerial photography.

Rừng rậm hay rừng già chỉ rừng cây bao phủ mặt đất trên 25% lớp thành vòm cây kín và phía dưới rừng không thể qua lại được. Rừng thưa chỉ rừng cây bao phủ mặt đất trên 25% lớp thành vòm cây kín và phía dưới rừng có thể qua lại được. Thảo mộc phân loại theo không-định.

WHEN REFERRING TO POPULATED PLACE NAMES, INCLUDE UTM GRID COORDINATES
THE NUMBER IN PARENTHESES FOLLOWING A POPULATED PLACE NAME INDICATES MORE THAN ONE PLACE IS SO NAMED WITHIN THE MAP SHEET AREA

DS—ĐƯỜNG-SÁ
All weather, hard surface, two or more lanes wide
Đường cứng, hai hay nhiều làn xe đi
All weather, loose or light surface, two or more lanes wide
Đường mềm, hai hay nhiều làn xe đi

Built-up area—Thôn-thị

Village—Làng

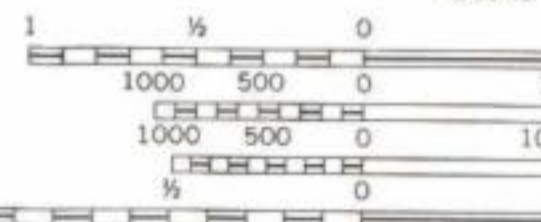
Church—Nhà thờ

Salt evaporator
Ruộng muối

Limestone mountain
Núi đá vôi



Scale



CONTOUR INTERVAL—20 METERS
SUPPLEMENTARY CONTOURS—10 METERS

SPHEROID... EVEREST
GRID... 1,000 METER UTM: ZONE 49 (BLACK NUMBERED LINES)
ZONE 48 (BLUE NUMBERED TICKS)
PROJECTION... TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM... MEAN SEA LEVEL AT HÀ TIÊN